



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỈNH KON TUM
MÙA KHÔ NĂM 2024-2025

HÀ NỘI, THÁNG 11/2024

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước

Địa chỉ: số 93/95 Vũ Xuân Thiều, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội; ĐT: 024 32665006; Fax: 02437560034

Website: cewafo.gov.vn; Email: vtttcldbttnn@monre.gov.vn

MỤC LỤC

I. LỜI NÓI ĐẦU.....	3
II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT	5
2.1 Thông báo tài nguyên nước dưới đất.....	5
2.1.1 Mục nước.....	5
2.1.2 Chất lượng nước	7
2.2 Dự báo mực nước dưới đất	9
2.3 Cảnh báo mực nước dưới đất	10
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	11

I. LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin thông báo, dự báo và cảnh báo tài nguyên nước dưới đất tỉnh Kon Tum được biên soạn 1 năm 2 lần vào mùa mưa và mùa khô nhằm cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất nhằm phục vụ công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch và quản lý tài nguyên nước.

Kon Tum là một tỉnh thuộc lưu vực sông Sê San có diện tích tự nhiên là 9.676,5 km². Mùa khô bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau và mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10. Tài nguyên nước dưới đất của tỉnh gồm 3 tầng chứa nước chính là tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Đệ tứ không phân chia (q), tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới $\beta(n_2-qp)$ và tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n). Tổng tài nguyên nước dự báo cho tầng chứa nước q là 143.371 m³/ngày, tầng chứa nước $\beta(n_2-qp)$ là 286.080 m³/ngày, tầng chứa nước n là 141.914 m³/ngày.

Nội dung chính của bản tin bao gồm: Thông báo mực nước, chất lượng mùa mưa năm 2024 và dự báo mực nước dưới đất mùa khô năm 2024-2025 tại các tầng chứa nước chính và đưa ra cảnh báo mực nước trung bình mùa trong phạm vi 18 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: 93/95 Vũ Xuân Thiều, P. Sài Đồng, Q. Long Biên, Hà Nội

Email: qtnn@monre.gov.vn

Bản tin được đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn

Trong mùa mưa năm 2024 mực nước dưới đất trung bình so với cùng kỳ 1 năm trước có xu thế hạ tại tầng chứa nước q, $\beta(n2-qp)$ và không rõ ràng tại tầng chứa nước n. Chất lượng nước có xu thế ít biến đổi nước trong tỉnh thuộc loại nước nhạt, một số nơi có hàm lượng amoni, Mn và Tổng coliform vượt GTGH (QCVN 09:2023/BTNMT).

Dự báo mực nước dưới đất mùa khô năm 2024-2025 so với mực nước thực đo cùng kỳ 1 năm trước có xu thế dâng tại tầng chứa nước q và hạ tại tầng chứa nước $\beta(n2-qp)$, n.

Trong khu vực tỉnh Kon Tum thời điểm hiện tại có 1 công trình tại huyện Đăk Hà (LK139Tm1-xã Hà Môn) có độ sâu mực nước trung bình mùa vượt quá 50% ngưỡng giới hạn cho phép.

Chi tiết xem nội dung bản tin./.

II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

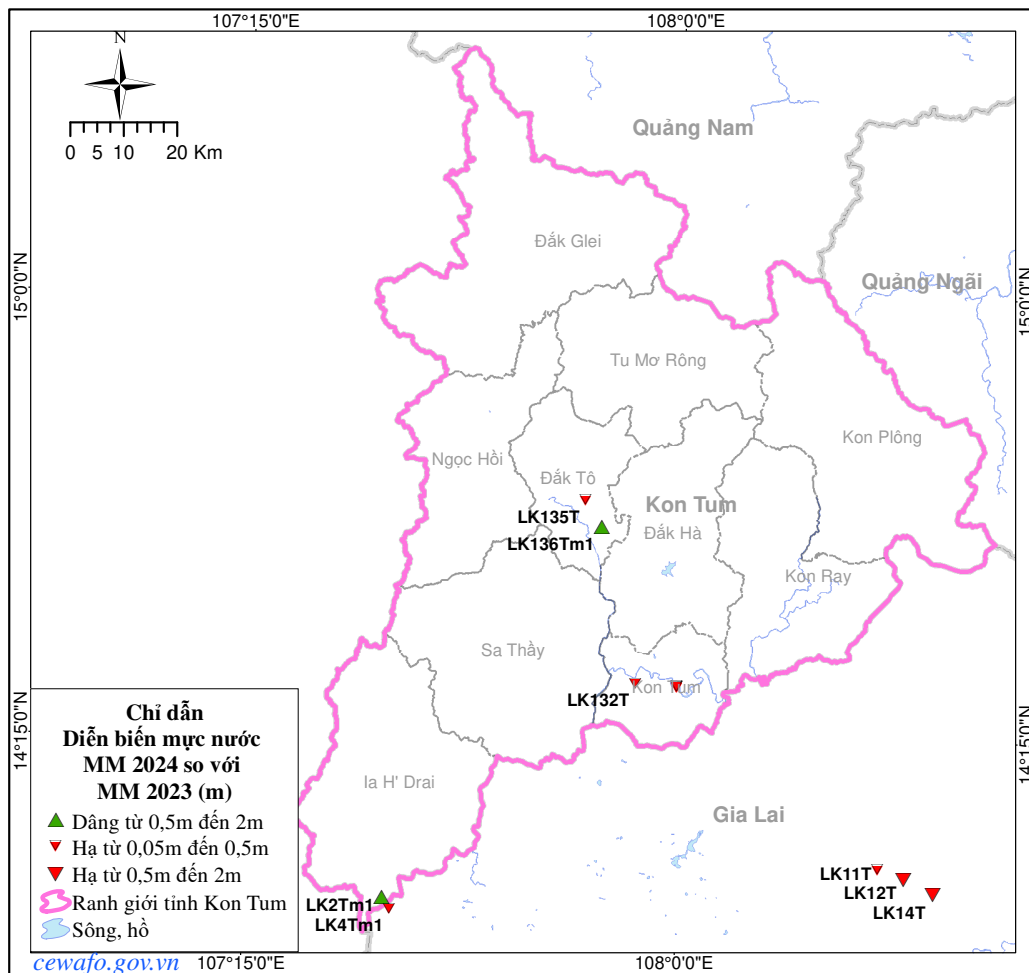
2.1 Thông báo tài nguyên nước dưới đất

2.1.1 Mục nước

2.1.1.1 Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Đệ tứ không phân chia (q)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình mùa mưa năm 2024 có xu thế hạ so với cùng kỳ 1 năm trước. Giá trị hạ thấp nhất là 0,39m tại xã Đăk Năng, TP.Kon Tum (LK132T) và giá trị dâng cao nhất là 1,07m tại xã Diên Bình, huyện Đăk Tô (LK136Tm1).

Mực nước trung bình mùa nông nhất là -1,03m tại xã Đăk Năng, TP.Kon Tum (LK132T) và sâu nhất là -6,78m tại xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai (LK2Tm1).



Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tầng q

Bảng 1. Bảng tổng hợp độ sâu mực nước mùa mưa tầng q (m)

Thời gian	P.Quyết Thắng, TP.Kon Tum (C11am1)	P.Quyết Thắng, TP.Kon Tum (LK121Tm2)	P.Quyết Thắng, TP.Kon Tum (LK122Tm1)	xã Đăk Năng, TP.Kon Tum (LK132T)	TT.Đăk Tô, huyện Đăk Tô (LK135T)	xã Diên Bình, huyện Đăk Tô (LK136Tm1)	xã Mô Rai, huyện Sa Thầy (LK2Tm1)
T5/2024	-4,40	-3,08	-7,10	-1,57	-2,74	-3,55	-9,47

Thời gian	P.Quyết Thắng, TP.Kon Tum (C11am1)	P.Quyết Thắng, TP.Kon Tum (LK121Tm2)	P.Quyết Thắng, TP.Kon Tum (LK122Tm1)	xã Đăk Năng, TP.Kon Tum (LK132T)	TT.Đăk Tô, huyện Đăk Tô (LK135T)	xã Diên Bình, huyện Đăk Tô (LK136Tm1)	xã Mô Rai, huyện Sa Thầy (LK2Tm1)
T6/2024	-4,28	-3,03	-7,04	-1,45	-2,49	-3,20	-9,24
T7/2024	-3,50	-2,72	-6,57	-1,01	-1,84	-2,18	-7,54
T8/2024	-3,25	-2,57	-6,43	-0,73	-1,44	-2,00	-6,29
T9/2024	-3,27	-1,87	-5,85	-0,72	-1,17	-2,10	-4,33
T10/2024	-3,33	-1,77	-5,85	-0,70	-0,68	-2,16	-3,80

2.1.1.2 Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới $\beta(n_2-qp)$

Theo kết quả quan trắc tại 1 công trình thuộc xã Ia Chim, TP.Kon Tum (LK130T) mực nước trung bình mùa mưa năm 2024 hạ 0,69m so với cùng kỳ 1 năm trước.

Bảng 2. Bảng tổng hợp độ sâu mực nước mùa mưa tầng $\beta(n_2-qp)$ (m)

Thời gian	xã Ia Chim, TP.Kon Tum (LK130T)
T5/2024	-15,85
T6/2024	-16,00
T7/2024	-15,26
T8/2024	-15,08
T9/2024	-14,90
T10/2024	-15,15

2.1.1.3 Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

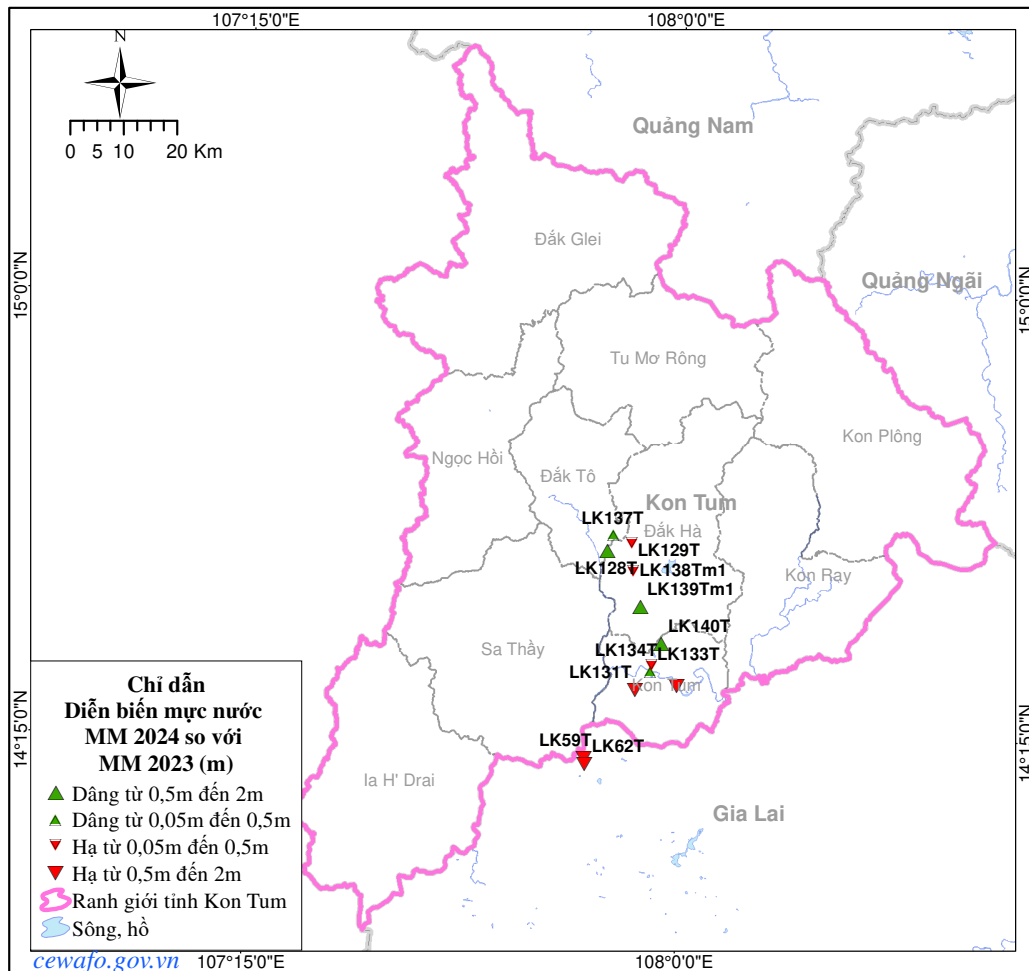
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình mùa mưa năm 2024 không có xu thế rõ ràng so với cùng kỳ 1 năm trước. Giá trị dâng cao nhất là 0,93m tại xã Đăk Hrinh, huyện Đăk Hà (LK128T) và giá trị hạ thấp nhất là 0,88m tại xã Đăk Năng, TP.Kon Tum (LK131T).

Mực nước trung bình mùa nông nhất là -1,63m tại TT.Đăk Mra, huyện Đăk Hà (LK138Tm1) và sâu nhất là -17,92m tại xã Hà Môn, huyện Đăk Hà (LK139Tm1).

Bảng 3. Bảng tổng hợp độ sâu mực nước mùa mưa tầng n (m)

Thời gian	P.Quyết Thắng, TP.Kon Tum (C11om1)	xã Đăk Hrinh, huyện Đăk Hà (LK128T)	xã Đăk Hrinh, huyện Đăk Hà (LK129T)	xã Đăk Năng, TP.Kon Tum (LK131T)	xã Ngọc Bay, TP.Kon Tum (LK133T)
T5/2024	-3,65	-8,67	-8,66	-15,22	-3,07
T6/2024	-3,61	-8,15	-8,59	-15,95	-2,95
T7/2024	-3,04	-6,95	-7,37	-15,37	-2,24
T8/2024	-2,71	-6,68	-6,48	-15,00	-1,57

Thời gian	P.Quyết Thắng, TP.Kon Tum (C11om1)	xã Đăk Hrinh, huyện Đăk Hà (LK128T)	xã Đăk Hrinh, huyện Đăk Hà (LK129T)	xã Đăk Năng, TP.Kon Tum (LK131T)	xã Ngọc Bay, TP.Kon Tum (LK133T)
T9/2024	-2,16	-5,92	-5,39	-14,07	-1,36
T10/2024	-1,94	-5,38	-4,42	-13,04	-1,20
Thời gian	xã Vinh Quang, TP.Kon Tum (LK134T)	xã Diên Bình, huyện Đăk Tô (LK137T)	TT.Đăk Mra, huyện Đăk Hà (LK138Tm1)	xã Hà Môn, huyện Đăk Hà (LK139Tm1)	xã Vinh Quang, TP.Kon Tum (LK140T)
T5/2024	-11,73	-14,42	-2,99	-19,26	-9,82
T6/2024	-11,76	-14,33	-2,46	-19,38	-9,80
T7/2024	-11,13	-13,20	-1,68	-18,50	-9,21
T8/2024	-10,17	-12,47	-1,24	-17,67	-8,22
T9/2024	-9,03	-10,47	-0,79	-16,62	-6,56
T10/2024	-8,41	-9,61	-0,64	-16,06	-5,96



Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tầng n

2.1.2 Chất lượng nước

2.1.2.1 Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Đệ tứ không phân chia (q)

- Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2024 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại tỉnh cho thấy nước trong tầng thuộc nước nhạt. Hầu hết các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép trừ amoni và Mn.

+ Hàm lượng amoni vượt GTGH (1mg/l) tại P.Quyết Thắng, TP.Kon Tum (C11am1).

+ Hàm lượng Mn vượt GTGH (0,5mg/l) tại P.Quyết Thắng, xã Đắc Năng của TP.Kon Tum và xã Diên Bình, huyện Đắc Tô trong đó vượt lớn nhất tại P.Quyết Thắng, TP.Kon Tum (C11am1).

- Theo kết quả phân tích chất lượng nước quý II Dự án Quan trắc môi trường nước dưới đất các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép trừ Tổng coliform. Hàm lượng Tổng coliform vượt GTGH (3mg/l) ở 3/5 công trình và vượt lớn nhất tại xã Đắc Năng, TP. Kon Tum (LK132T).

Bảng 4. Tổng hợp kết quả phân tích CLN tầng q (mg/l)

Chỉ tiêu	TDS105	NH4	NO2	NO3	Mn	Cu	Zn	F
GTGH	1.500	1,00	1,00	15,00	0,50	1,00	3,00	1,00
C11am1	300	5,34	0,02	11,75	0,86	0,01	0,05	0,23
LK121Tm2	254	0,01	0,00	6,55	0,05	0,01	0,05	0,08
LK122Tm1	169	0,01	0,00	6,14	0,35	0,01	0,05	0,10
LK132T	54	0,02	0,00	0,20	0,62	0,01	0,05	0,08
LK135T	98	0,11	0,00	0,02	0,17	0,01	0,05	0,11
LK136Tm1	152	0,05	0,00	4,20	0,53	0,01	0,05	0,28
LK2Tm1	78	0,01	0,00	0,02	0,17	0,01	0,05	0,22

2.1.2.2 Tầng chứa nước khe nứt lỗ hồng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới $\beta(n_2-qp)$

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2024 tại xã Ia Chim, TP.Kon Tum (LK130T) được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại tỉnh cho thấy nước trong tầng thuộc nước nhạt. Các chỉ tiêu mẫu đa lượng, vi lượng, nhiễm bân và sắt đều nằm trong giới hạn cho phép.

Bảng 5. Tổng hợp kết quả phân tích CLN tầng $\beta(n_2-qp)$ (mg/l)

Chỉ tiêu	TDS105	NH4	NO2	NO3	Mn	Cu	Zn	F
GTGH	1.500	1,00	1,00	15,00	0,50	1,00	3,00	1,00
LK130T	24	0,01	0,00	0,22	0,05	0,01	0,05	0,07

2.1.2.3 Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

- Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2024 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại tỉnh cho thấy nước trong tầng thuộc nước nhạt. Các chỉ tiêu mẫu đa lượng, vi lượng, nhiễm bân và sắt đều nằm trong giới hạn cho phép.

- Theo kết quả phân tích chất lượng nước quý II Dự án Quan trắc môi trường nước dưới đất các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép trừ Tổng coliform. Hàm lượng tổng coliform vượt GTGH (3mg/l) ở 1/3 công trình tại xã Ngọc Bay, TP.Kon Tum (LK133T).

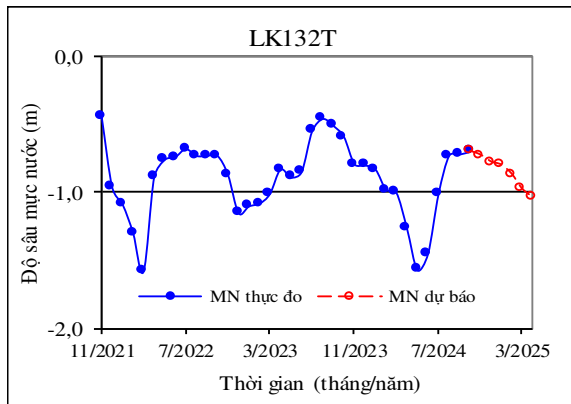
Bảng 6. Tổng hợp kết quả phân tích CLN tầng n (mg/l)

Chỉ tiêu	TDS105	NH4	NO2	NO3	Mn	Cu	Zn	F
GTGH	1.500	1,00	1,00	15,00	0,50	1,00	3,00	1,00
C11oml	210	0,12	0,00	0,04	0,18	0,01	0,05	0,52
LK128T	36	0,02	0,00	0,51	0,05	0,01	0,05	0,07
LK129T	36	0,01	0,00	1,31	0,05	0,01	0,05	0,07
LK131T	34	0,03	0,00	0,58	0,11	0,01	0,06	0,07
LK133T	134	0,05	0,01	2,11	0,14	0,01	0,05	0,07
LK134T	60	0,01	0,00	2,43	0,06	0,01	0,05	0,07
LK137T	31	0,01	0,00	1,99	0,05	0,01	0,05	0,07
LK138Tm1	91	0,37	0,00	0,10	0,42	0,01	0,05	0,07
LK139Tm1	144	0,03	0,00	0,11	0,40	0,01	0,06	0,09
LK140T	32	0,01	0,00	2,01	0,05	0,01	0,05	0,07

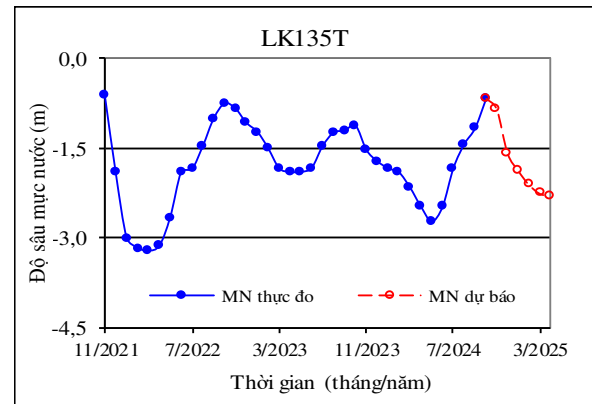
2.2 Dự báo mực nước dưới đất

2.2.1.1 Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Đệ tứ không phân chia (q)

Trong mùa khô năm 2024-2025 mực nước có xu thế dâng so với cùng kỳ 1 năm trước, mực nước dâng từ 0,08m đến 1,03m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điển đặc trưng như sau.



a) xã Ia Chim, TP.Kon Tum (LK132T)

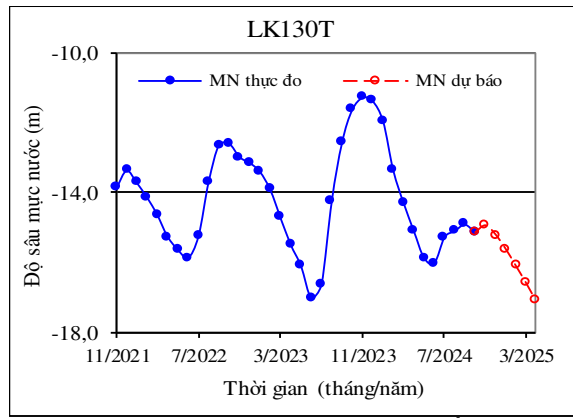


b) TT.Đắk Tô, huyện Đắk Tô (LK135T)

Hình 3. Dự báo độ sâu mực nước tầng q

2.2.1.2 Tầng chứa nước khe nứt lỗ hổng phun trào Bazan Pliocen-Pleistocen dưới $\beta(n_2-qp)$

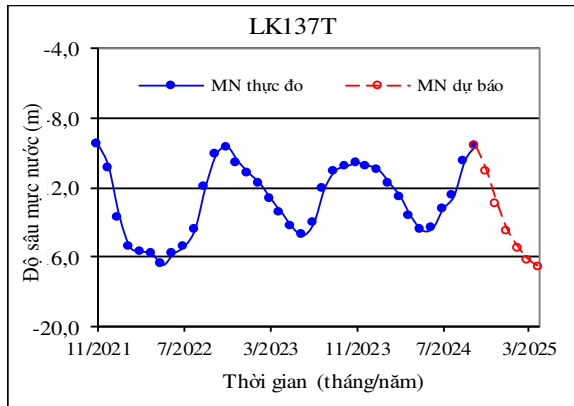
Trong mùa khô năm 2024-2025 mực nước tại công trình LK130T có xu thế hạ 3,03m so với cùng kỳ 1 năm trước. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình như sau.



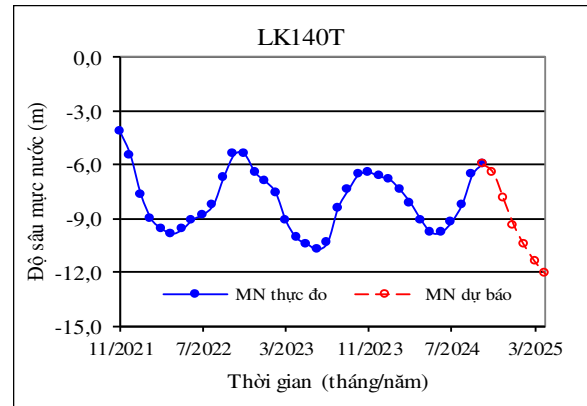
Hình 4. Dự báo độ sâu mực nước tầng $\beta(n_2-qp)$

2.2.1.3 Tầng chứa nước khe nứt trong các đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

Trong mùa khô năm 2024-2025 mực nước có xu thế hạ so với cùng kỳ 1 năm trước, mực nước hạ từ 0,3m đến 4,78m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau.



a) xã Diên Bình, huyện Đắk Tô (LK137T)



b) xã Vinh Quang, TP.Kon Tum (LK140T)

Hình 5. Dự báo độ sâu mực nước tầng n

Bảng 7. Tổng hợp mực nước dự báo

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước dự báo (m)			Tháng xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
I Tầng chứa nước q						
1	LK132T	xã Đắk Năng, TP.Kon Tum	-0,73	-1,04	-0,94	4/2025
2	LK135T	TT.Đắk Tô, huyện Đắk Tô	-0,85	-2,30	-1,95	4/2025
II Tầng chứa nước $\beta(n_2-qp)$						
1	LK130T	xã Ia Chim, TP.Kon Tum	-14,95	-17,08	-12,89	4/2025
III Tầng chứa nước n						
1	LK137T	xã Diên Bình, huyện Đắk Tô	-11,02	-16,60	-11,69	4/2025
2	LK140T	xã Vinh Quang, TP.Kon Tum	-6,44	-12,08	-7,43	4/2025

2.3 Cảnh báo mực nước dưới đất

Theo điều 32 của Nghị định 53/2024/NĐ-CP về xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất, trong tình thời điểm hiện tại có thời điểm hiện tại có 1 công trình có độ

sâu mực nước cần phải cảnh báo (xem bảng sau). Các đơn vị khai thác nước dưới đất cần chú ý chế độ khai thác quanh khu vực này.

Bảng 8. Cảnh báo độ sâu mực nước trung bình mùa mưa năm 2024

STT	SHLK	TCN	Vị trí	Độ sâu mực nước (m)	Ngưỡng GHCP (m)	% đạt đến ngưỡng GHCP
1	LK139Tm1	n	xã Hà Mòn, huyện Đắk Hà	-17,92	-30	59,72

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương, địa phương và các tổ chức, cá nhân có khai thác sử dụng nguồn nước dưới đất tiếp tục theo dõi và có các biện pháp, kế hoạch khai thác phù hợp đối với các khu vực có độ sâu mực nước vượt ngưỡng cho phép đặc biệt là tại các khu vực xã Hà Mòn, huyện Đắk Hà .

Trong mùa mưa năm 2024, nhìn chung chất lượng nước trong các tầng chứa nước thuộc tỉnh Kon Tum đều tốt. Tuy nhiên có một số công trình có hàm lượng amoni, Mn và Tổng coliform vượt GTGH so với QCVN 09:2023/BTNMT, đề nghị các cơ quan đưa ra cảnh báo cho người dân và tiếp tục theo dõi thêm.

**GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(QCVN 09:2023/BTNMT)**

	TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO ₃ - tính theo Nito)	mg/l	15
	4	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo Nito)	mg/l	1
	5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	6	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	500
	7	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	8	Chloride (Cl ⁻)	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	9	Nitrite (NO ₂ - tính theo Nito)	mg/l	1
	10	Fluoride (F ⁻)	mg/l	1
	11	Sulfate (SO ₄ ²⁻)	mg/l	400
	12	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	13	Cyanide (CN ⁻)	mg/l	0,01
	14	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	15	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	16	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	17	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	19	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	20	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	22	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	23	Aldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆)	mg/l	0,0001
	24	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆)	mg/l	0,00002
	25	Dieldrin (C ₁₂ H ₈ Cl ₆ O)	mg/l	0,0001
	26	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C ₁₄ H ₉ Cl ₅))	mg/l	0,001
	27	Heptachlor & Heptachlorepoxyde (C ₁₀ H ₅ Cl ₇ & C ₁₀ H ₅ Cl ₇ O)	mg/l	0,001
	28	Diazinon (C ₁₂ H ₂₁ N ₂ O ₃ PS)	mg/l	0,02
	29	Parathion (C ₁₀ H ₁₄ NO ₅ PS)	mg/l	0,06
	30	Phenol (C ₆ H ₅ OH)	mg/l	0,001
	31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	33	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện